Phẩm 10 - Khu Rừng (Kinh số 107 - 115)

Kinh Trung A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

PHẨM 10: KHU RỪNG1 (Gồm 10 kinh, thuộc ngày tụng thứ hai tại thành Tiểu Thổ)

Kệ tóm tắt 10 kinh:
Nhị lâm, Quán tâm nhỉ
Đạt, Nô-baf Pháp bổn ưu-đà-laf Mật hoàn
Cù-đàm-dỉ tại hậu.1
2
1 Quyển 27. 2 Nguyên tác Nhiếp tụng:,;;;Do đặt lại tựa đề nên
Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

107. KINH KHU RỪNG1 (1) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ5 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ5 Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo: Khi Tỳ-kheo chọn một khu rừng nào đó để ở thì nên khởi tâm như vầy: “Ta an tru tại khu rừng này, mong rằng chưa chánh niệm thì sẽ có chánh niệm, tâm chưa đinh thì sẽ được đinh, chưa giải thoát thì sẽ giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch thì sẽ đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn. Riênệ những thứ cần dùng cho người học đạo như thức ăn, áo mặc, giường nệm, thuôc thang, các vật dụng cho đời sống, mong khất thực được hết thảy một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gi." Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi an trú tại khu rừng này, Tỳ-kheo ấy chưa chánh niệm vẫn không có chánh niệm, tâm chưa định vẫn không được đinh, chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch vẫn không được đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn không thể chứng đắc Niết-bàn. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như thức ăn, áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sông, hét thảy đều khất thực được một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gì. Khi ấy? vị Tỳ-kheo nên quán như vầy: "Ta xuất gia học đạo chẳng phải vì áo mặc, chẳng phải vì ăn uống, giường nệm? thuốc thang, cũng chẳng phải vì vật dụng sinh hoạt thường ngày. Nhưng nay ta an trú nơi khu rừng này, chưa chánh niệm vẫn không có chánh niệm, tâm chưa định vẫn không được định, chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch vẫn không được đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn không thể chứng đắc Niết- bàn. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như thức ăn, áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gi." Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi thì nên rời bỏ khu rừng này mà đi. [0597al6] Khi Tỳ-kheo chọn một khu rừng nào đó để ở thì nên khởi tâm như vầy: “Ta an trú tại khu rừng này, mong rằng chưa chánh niệm thì sẽ có chánh niệm, tâm chưa định thì sẽ được định, chưa giải thoát thì sẽ giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch thì sẽ đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì

1 Nguyên tác: Lâm kinh, thượng (roi. 0026.107. 0596c25). Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.45.3. 0771C17); M. 17, VanapaUha Suita (Kinh khu rừng); A. 9.6 - IV. 365.

sẽ chứng đắc Niết-bàn. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như thức ăn, áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời song, mong khất thực được hết thảy một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gì.99 Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi an trú tại khu rừng này, Tỳ-kheo ấy chưa chánh niệm liền có chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch liền được đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng liền chứng đắc Niết-bàn. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như thức ăn5 áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách khó khăn, chẳng dễ dàng gì. Khi ấy, vị Tỳ-kheo nên quán như vầy: "Ta xuất gia học đạo chẳng phải vì áo mặc, chẳng phải vì ăn uống, giường nệm, thuốc thang, cũng chẳng phải vì vật dụng sinh hoạt thường ngày. Nay ta an trú nơi khu rừng này, chưa chánh niệm liền có chánh niệm, tâm chưa đinh liền được đinh, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch liền được đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng liền chứng đắc Niết-bàn. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như thức ăn5 áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách khó khăn, chẳng dễ dàng gi." Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi thì nên tiếp tục ở lại khu rừng này. [0597b04] Khi Tỳ-kheo chọn một khu rừng nào đó để ở thì nên khởi tâm như vầy: “Ta an trú tại khu rừng này, mong rằng chưa chánh niệm thì sẽ có chánh niệm, tâm chưa định thì sẽ được định, chưa giải thoát thì sẽ giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch thì sẽ đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như thức . r r

ăn, áo mặc, giường nệm, thuôc thang, các vật dụng cho đời sông, mong khát thực được hết thảy một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gi." Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi an trú tại khu rừng này, Tỳ-kheo ấy chưa chánh niệm vẫn không chánh niệm, tâm chưa định vẫn không được đinh, chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch vẫn không được đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn không the chứng đắc Niết-bàn. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như thức ăn, áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách khó khăn, chẳng dễ dàng gì. Khi ây5 vị Tỳ-kheo nên quán như vây: “Ta an trú tại khu rừng này, chưa chánh niệm vẫn không chánh niệm, tâm chưa định vẫn không được định, chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch vẫn không được đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn không thể chứng đắc Niêt-bàn. Riêng những thứ cân dùng cho người học đạo như thức ăn, áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách khó khăn, chẳng dễ dàng gi." Vi Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy

rồi thì nên lập tức rời bỏ khu rừng này, đi ngay lúc nửa đêm, không cần từ biệt những Tỳ-kheo khác. Khi Tỳ-kheo chọn một khu rừng nào đó để ở thì nên khởi tâm như vầy: “Ta an trú tại khu rừng này, mong rang chưa chánh niệm thì sẽ có chánh niệm, tâm

chưa định thì sẽ được định, chưa giải thoát thì sẽ giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch thì sẽ đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đăc Niêt-bàn. Riêng những thứ cân dùng cho người học đạo như thức ăn, áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, mong khất thực được hết thảy một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gi." Roi Tỳ-kheo ây nương vào khu rừng này đê ở. Sau khi an trú tại khu rừng này, Tỳ-kheo ấy chưa chánh niệm liền có chánh niệm, tâm chưa định liền được đinh, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch liền được đoạn sạch, chưa chứng đác Niêt-bàn an ôn vô thượng liên chứng đác Niêt-bàn. Riêng những thứ cân dùng cho người học đạo như thức ăn5 áo mặc, giường nệm, thuôc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gì. Khi ấy, vị Tỳ-kheo nên quán như vầy: "Ta an tru tại khu rừng này, chưa chánh niệm liền có chánh niệm, tâm chưa đinh liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch liền được đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng liền chứng đắc Niết-bàn. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như thức ăn5 áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gi." Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi thì nên nương vào khu rừng này để ở trọn đời, cho đến lúc qua đời. Giống như trường hợp nương vào khu rừng để ở, Tỳ-kheo nương vào bãi tha ma, thôn ấp hay sống với người khác cũng phải như vậy. [0597c09] Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

108. KINH KHU RỪNG1 (2) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo: -Khi Tỳ-kheo chọn một khu rừng nào đó để ở thì nên khởi tâm như vầy: "Ta an trú tại khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn?1 2 ta phải đạt được mục đích này. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như thức ăn5 áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, mong khất thực được hết thảy một cách dễ dàng, chẳng khó khan gi.” Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi an trú nơi khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn5 nhưng mục đích ấy tỳ-kheo không đạt được. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gì. Khi ấy, vi Tỳ-kheo nên quán như vầy: "Ta xuất gia học đạo không phải vì áo mặc, không phải vì ăn uống, giường nệm, thuốc thang, cũng không phải vì các thứ cần dùng đời sống. Nay ta an trú tại khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn, nhtmg mục đích ấy ta không đạt được. Riêng những thứ can dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cần thiết cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gi." Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi thì nên rời bỏ khu rừng này mà đi. Khi Tỳ-kheo chọn một khu rừng nào đó để ở thì nên khởi tam như vầy: "Ta an trú tại khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn9 ta phải đạt được mục đích này. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cần thiết cho đời sống, mong khất thực

được hết thảy một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gi.”

1 Nguyên tác: hạ ,(rol. 0026.108.0597c11). Tham chiếu: Tăng.(r02.0125.45.3. 0771C17); M. 17, Vanapattha Sutta (Kỉnh khu rừng). 2 Nguyên tác: Sa-môn nghía ().Theo SĀ. 798: Thế nào gọi là nghĩa Sa-mon? Là đoạn trò hoàn toàn tham dục, sānkhue và si; đoạn trừ hoàn toàn tất cả phiền não ( ).Như vậy, ở đây í4Sa-môn nghĩa,í có thê hiểu là mục đích của Sa-môn, tức quả vị Sa-môn, hoặc quả vị Sa-môn cao nhát, tức quả A-la-hán.

Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi an trú tại khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn, Tỳ- kheo ấy đã đạt được mục đích này. Riêng những thứ cân dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn, giường nệm, thuôc thang, các vật dụng cân thiêt cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách khó khăn, chẳng dễ dàng gì. Khi ấy, vị Tỳ-kheo nên quán như vầy: "Ta xuất gia học đạo không phải vì áo mặc, không phải vì thức ăn? giường nệm5 thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống. Nay ta an tru tại khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn và mục đích ấy ta đã đạt được. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn, giường nệm thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách khó khăn, chẳng dễ dàng gi." Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi thì nên ở lại khu rừng này. [0598a09] Khi Tỳ-kheo chọn một khu rừng nào đó để ở thì nên khởi tâm như vầy: “Ta an trú tại khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn, ta phải đạt được mục đích này. Riêng những thứ cân dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, mong khất thực được hết thảy một cách dễ dàng, chẳng khó khan Rồi Tỳ-kheo nương vào khu rừng này để ở. Sau khi an tru nơi khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn9 nhưng mục đích ấy Tỳ-kheo không đạt được. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sông, hét thảy đêu khát thực được một cách khó khăn, chăng dê dàng gì. Khi ấy, vị Tỳ-kheo nên quán như vầy: "Ta an trú nơi khu rừng này, với lý tưởnẹ xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn? nhung mục đích ẩy ta không đạt được. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn? giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách khó khăn, chẳng dễ dàng gì?9 Vi Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi thì nên lập tức rời bỏ khu rừng này, đi ngay lúc nửa đêm, không cần từ biệt những Ty-kheo khác. Khi Tỳ-kheo chọn một khu rừng nào đó để ở thì nên khởi tam như vầy: "Ta an trú tại khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục ch của Sa-môn, ta phải thành tựu mục đích này. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như áo mặc? thức ăn, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời song, mong khất thực được hết thảy một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gi." Rồi Tỳ-kheo nương vào khu rừng này để ở. Sau khi an trú nơi khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn? Tỳ-kheo ấy đạt được mục đích này. Riêng những thứ can

dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gì.

108. KINH KHƯ RỪNG (2) 715

Khi ấy, vi Tỳ-kheo nên quán như vầy: "Ta an trú nơi khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của của Sa-môn và mục đích ây ta đã đạt được. Riêng những thứ cân dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gi." Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi thì nên nương vào khu rừng này để ở trọn đời, cho đến lúc qua đời. Giông như trường hợp nương vào khu rừng đê ở5 Tỳ-kheo nương vào bãi tha ma, thôn ấp hay sống với người khác cũng phải như vậy. [0598b04] Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

109. KINH Tự QUÁN TÂM1 (1) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-ve, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo: Nêu Tỳ-kheo nào không thê khéo quán sát tâm của người khác thì hãy khéo tự quán sát tâm của mình. Hãy nên học tập như vậy. Tỳ-kheo khéo tự quán tâm như thế nào? Nếu Tỳ-kheo có quán như vầy tất sẽ được nhiều lợi ích: "Ta đã được nội tâm tịnh chí,2 nhưng chưa thành tựu được pháp quán tuệ tối thượng123 chăng? Ta đã được pháp quán tuệ tối thượng, nhưng nội tâm chưa được tinh chỉ chăng? Ta chưa được nội tâm tịnh chỉ và cũng chưa được pháp quán tuệ tối thượng chăng? Tâm ta đã được nội tâm tinh chỉ và cũng được pháp quán tuệ tối thượng chăng?,^ Sau khi Tỳ-kheo quán như vậy thì biết rằng: "Ta đã được nội tâm tịnh chỉ, nhung chưa được pháp quán tuệ tối thuợng.” Vị Tỳ-kheo ấy đã được nội tâm tịnh chỉ rồi, hãy nên mong cầu thành tựu pháp quán tuệ tối thượng. Sau đó vị ấy được nội tâm tịnh chỉ và cũng được pháp quán tuệ tối thượng. Sau khi Tỳ-kheo quán như vậy thì biết rằng: "Ta đã được pháp quán tuệ tối thượng, nhưng chưa được nội tâm tịnh chi." Vị Tỳ-kheo ấy trụ nơi pháp quán tuệ tối thượng rồi, hãy nên mong cầu nội tâm tịnh chỉ. Sau đó vị ấy được pháp quán tuệ toi thượng và cũng được nội tâm tịnh chỉ. Sau khi Tỳ-kheo quán như vậy thì biết rằng: "Ta chưa được nội tâm tinh chí, cũng chưa được pháp quán tuệ tối thuợng." Như vậy, Tỳ-kheo ấy chưa được pháp lành này. Nếu muốn được pháp lành này, phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, tinh cần học tập, chánh niệm tỉnh giác, kham nhẫn, bất thoái. Ví như người bị lửa đốt cháy dầu, cháy áo, phải nhanh chóng tìm cách dập tắt lửa đe khỏi bi cháy đầu, cháy áo; cũng vậy, Tỳ-kheo chưa được pháp lành này, vì muốn được nên nhanh chóng tìm câu phương tiện, tinh cân học tập, chánh niệm tỉnh giác, kham nhẫn, bất thoái. Sau đó vị ấy được nội tâm tịnh chỉ và cũng được pháp quán tuệ toi thượng. 1 Nguyên tác: Tự quản tâm kinh, thượng (roi. 0026.109. 0598b07). Tham chiếu: M. 114, Sevitabbāsevitabba Sutta (Kinh nên hành trì và không nên hành trì); A. 10.54 - v. 98. 2 Nội chỉ ()tức 4tnội tâm tịnh chi." Tham chiếu: A. 10.54 - v. 98: Ajjhattarn cetosamathassa (nội tâm tịnh chỉ). 3 Nguyên tác: Tối thượng tuệ quán pháp ():Pháp quán bằng tuệ tối thượng. Tham chiếu: A. 10.54 - V. 98: Adhipaññādhammavipassanāya (Tăng thượng tuệ pháp quán).

Sau khi Tỳ-kheo quán như vậy thì biết rằng: “Ta đã được nội tâm tịnh chỉ, cũng được pháp quán tuệ tối thượng.^ Vị Tỳ-kheo ấy trụ nơi pháp lành này rồi, hãy nên mong cầu chứng đạt trí tuệ thấu suốt sạch hết phiền não lậu hoặc.4 Vì sao như vậy? Giống như Ta nói không được thọ dụng5 tất cả y, nhưng cũng nói được phép thọ dụng tất cả y. Loại y nào Ta nói không được thọ dụng? Nếu thọ dụng mà tăng trưởng pháp xấu ác, pháp bất thiện, suy giảm pháp thiện thì loại y như vậy, Ta nói không được thọ dụng. Loại y nào Ta nói được phép thọ dụng? Nêu thọ dụng mà tăng trưởng pháp thiện, suy giảm pháp xâu ác9 pháp bát thiện thì loại y như vậy, Ta nói được phép thọ dụng. Cũng như y áo, vê thức ăn? giường nệm, thôn ấp cũng giống như vậy. Ta nói không được thân cận mọi người, nhưng cũng nói được phép thân cận mọi người. Hạng người nào Ta nói không được thân cận? Nếu thân cận mà tăng trưởng pháp xấu ác? pháp bất thiện, suy giảm pháp thiện thì người như vậy, Ta nói không được thân cận. Hạng người nào Ta nói được phép thân cận? Nêu thân cận mà tăng trưởng pháp thiện, suy giảm pháp xấu ác? pháp bất thiện thì người như vậy, Ta nói được phép thân cận. [0598cl4] Vị ấy biết đúng như thật pháp nào nên tu tập, cũng biết đúng như thật pháp nào không nên tu tập. Vị ấy biết đúng như thật pháp nào nên tu tập và pháp nào không nên tu tập rồi, với pháp không nên tu tập thì không tu tập, với pháp nên tu tập liền tu tập. Sau khi vị ấy không tu tập pháp không nên tu tập và tu tập pháp nên tu tập rồi thì sẽ tăng trưởng pháp thiện, suy giảm pháp xấu ác5 pháp bất thiện. Như thế gọi là Tỳ-kheo khéo tự quán tâm, khéo tự biết tâm, khéo thủ hộ và khéo xả ly. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

4 Nguyên tác: Lậu tận trí thông ,tức t4Lậu tận thông^ ,một trong 6 thông
, gôm: i Thân túc ,ii Thiên nhãn thông ,iii Thiên nhĩ thông
ầằ, i Túc mạng thông v Tha tam thông ifi, vi Lậu tần Íh6pg
.zChứng Lạu tận thông tức đã đoạn sạch phiền não hoặc nghiep, thoát khỏi sanh tử luân hồL Tham chiếu: A. 10.54 - v. 98: Asavānam khayañānāya Trí diệt tận phiên não. ^Nguyên tác: Súc ,nghĩa giống chữ "huởng"là thụ hưởng, tương đương Pali: Sevitabbā sử dụng. Tham chiêu: A. 10.54 - v. 98: Cīvarampāharn, bhikkhave, duvidhena vadāmi - sevitabbampi asevitabbampi Này các Tỷ-kheo, Ta nói, y có 2 loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, HT. Thích Minh Châu dịch. J

110. KINH Tự QUÁN TAM1 (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

r 9 •

-Nêu Tỳ-kheo không thê khéo quán tâm người khác thì hãy khéo tự quán tâm mình. Hãy nên học tập như vậy! Tỳ-kheo khéo tự quán tâm mình như thê nào? Nêu Tỳ-kheo có quán như vầy, tất sẽ được nhiều lợi ích: "Ta thường sống với tâm tham lam1 2 hay tâm không tham lam? Ta thường sống với tâm sân hận hay tâm không sân hận? Ta thường sống trong sự trói buộc bởi ngủ nghỉ hay không bị trói buộc bởi ngủ nghỉ? Ta

thường sống với tâm loạn động, cống cao hay tâm không loạn động, không cống cao? Ta thường sống với tâm nghi ngờ hay tâm không nghi ngờ? Ta thường hành xử thô tháo hay điềm đạm? Ta thường song với tâm ô nhiễm hay tâm không ô nhiễm? Ta thường sống với tâm có niềm tin hay tâm không có niềm tin? Ta thường sống với tâm tinh tấn hay tâm biếng nhác? Ta thường sống với tâm có niệm hay không có niệm? Ta thường sống với tâm có định hay không có định? Ta thường sống với tuệ thấp kém hay tuệ thù thắng?" [0599a07] Khi Tỳ-kheo quán như vậy thì biết rằng: "Ta thường sống với tâm tham lam, sân hận, trói buộc bởi ngủ nghỉ, loạn động, cống cao, nghi ngờ, hành xử thô tháo, tâm ô nhiêm, không có niêm tin, biêng nhác, không có niệm, không có đinh, tuệ thấp kém.,, Tỳ-kheo ấy muốn diệt trừ những pháp xấu ác, pháp bất thiện này thì phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, tinh cần học tập, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, bất thoái. Giống như người bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo, phải nhanh chóng tìm cách dập tắt lửa để khỏi bi cháy đầu, cháy áo; cũng vậy, Tỳ-kheo muôn diệt trừ những pháp xâu ác? pháp bát thiện này thì phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, tinh cần học tập, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, bất thoái. Khi Tỳ-kheo quán như vậy thì biết rằng: "Ta thường sống với tâm không tham lam, không sân hận, không bị ngủ nghỉ trói buộc, không loạn động, không cống cao, không nghi ngờ, điềm đạm, không bị ô nhiễm, có niềm tin, tinh tấn, có niệm, có định và có tuệ thù thắng. Như vậy, Tỳ-kheo ây đã trụ nơi pháp thiện

1 Nguyên tác: Tự quản tâm kinh, hạ (T.Ol. 0026.110. 0598c21). Tham chiếu: A. 10.51 -V. 92. 2 Nguyên tác: Tăng tứ (abhijjhā)'. Tham dục, tham ái. Xem chú thích 3, kinh số 75, tr. 497.

này rồi, hãy nên mong cầu chứng đạt trí tuệ thấu suốt sạch hết phiền não lậu hoặc. Vì sao như vậy? Giong như Ta nói không được thọ dụng tất cả y, nhưng cũng nói được phép thọ dụng tất cả y. Loại y nào Ta nói không được thọ dụng? Nếu thọ dụng mà tăng trưởng pháp xấu ác, pháp bất thiện, suy giảm pháp thiện thì loại y như vậy, Ta nói không được thọ dụng. Loại y nào Ta nói được phép thọ dụng? Nếu thọ dụng mà tăng trưởng pháp thiện, suy giảm pháp xấu ác, pháp bát thiện thì loại y như vậy, Ta nói được phép thọ dụng. Cũng như y áo, vê thức ăn, giường nệm, thôn áp cũng giông như vậy. Ta nói không được thân cận mọi người, nhưng cũng nói được phép thân cận , e — Ị. mọi người. Hạng người nào Ta nói không được thân cận? Nêu thân cận mà tăng trưởng pháp xấu ác, pháp bất thiện, suy giảm pháp thiện thì người như vậy, Ta nói không được thân cận. Hạng người nào Ta nói được phép thân cận? Nêu thân cận mà tăng trưởng pháp thiện, suy giảm pháp xấu ác, pháp bất thiện thì người như vậy, Ta nói được phép thân cận. [0599b0l] Vị ấy biết đúng như thật pháp nên thân cận, cũng biết đúng như thật pháp không nên thân cận. Vi ấy biết đúng như thật pháp nên thân cận và pháp không nên thân cận roi với pháp không nên thân cận thì không thân cận, với pháp nên thân cận liền thân cận. Sau khi vị ấy không thân cận pháp không nên thân cận và thân cận pháp nên thân cận roi thì liền tăng trưởng pháp thiện, suy giảm pháp xâu ác, pháp bát thiện. Như thế gọi là Tỳ-kheo khéo tự quán tâm, khéo tự biết

tâm, khéo thủ hộ và khéo xả ly. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

111. KINH THẤY RÕ PHẠM HẠNH1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, ngụ tại thị trấn Kiếm- ma-sắt-đàm5 thuộc nước Câu-lâu. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tinh, hiển bày Phạm hạnh, gọi là "Thấy rõ Phạm hạnh",2 c6 thể diệt sạch các lậu. Các thầy hãy lắng nghe và hãy khéo suy nghĩ! Khi ấy, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Thế Tôn dạy: Các thày nên biết về lậu,1 23 biết nhân sanh ra lậu, biết báo ứng của lậu, biết tánh sai biệt của lậu, biết sự diệt sạch lậu và biết phương pháp diệt sạch lậu. Các thầy nên biết về thọ,4 biết nhân sanh ra thọ, biết báo ứng của thọ, biết tánh sai biệt của thọ, biết sự diệt sạch thọ và biết phương pháp diệt trừ thọ. Các thây nên biêt vê tưởng, biêt nhân sanh ra tưởng, biêt báo ứng của tưởng, biết tánh sai biệt của tưởng, biết sự diệt sạch tưởng và biết phương pháp diệt trừ tưởng. Các thầy nên biết về dục, biết nhân sanh ra dục, biết báo ứng của dục, biết tánh sai biệt của dục, biêt sự diệt sạch dục và biêt phương pháp diệt trừ dục. Các thầy nên biết về nghiệp, biết nhân sanh ra nghiệp, biết báo ứng của nghiệp, biết tánh sai biệt của nghiệp, biết sự diệt sạch nghiệp và biết phương pháp diệt trừ nghiệp. Các thầy nên biết về khổ, biết nhân sanh ra khổ, biết báo ứng của khổ, biết tánh sai biệt của khổ, biết sự diệt sạch khổ và biết phương pháp diệt trừ khổ. Thế nào là biết về lậu? Có ba lậu, gồm dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu;5 đó là biết về lậu. Thế nào là biết nhân sanh ra lậu? Là do vô minh, do có vô minh

1 Nguyên tác: Dạt Phạm hạnh kinh T.Ol. 0026.111. 0599ỒỒ08. Tham chiếu: Lậu phân bố kinhi^T.Ol. 0057 085ÍỒ27; A. 6.63 - III. 410. 2 Đạt Phạm hạnh .Đạt :Thông suốt, hiểu r6,.A. 6.63 - III. 410: Nibbedhikapariyāya .Xuyên suốt cả ban kinh, cụm từ/;tri... thang nhir"...xuất hiện 24 lan. Trong A. 6.63 - III. 410, cụm từ pajānāti hiểu rõ xuất hiện 43 lần, đã bô sung cho tựa đề của bản kinh. 3 Lậu ,āsavā tức phiền não. 4 Giác ,tân dịch là "thq".Tiếng Pali tương đương là vedanā. 5 Tất cả phiền não trong cõi Dục, tất cả phiền não trong cõi sắc và Vô sắc, tất cả vô minh trong 3 cõi.

mà có lậu, đó là biết nhân sanh ra lậu. Thế nào là biết báo ứng của lậu? Đó là bị vô minh trói buộc, bị các lậu rỉ thấm hoen ố5 vì thế mà lãnh thọ quả báo, hoặc đến cõi lành, hoặc đến cõi ác, đó là biết báo ứng của lậu. Thế nào là biết tánh sai biệt của lậu? Hoặc có lậu khiên sanh vào địa ngục, có lậu khiên sanh vào súc sanh, có lậu khiến sanh vào ngạ quỷ, có lậu khiến sanh vào cõi trời, hoặc có lậu khiến sanh vào cõi người, đó là biết tánh sai biệt của lậu. Thế nào là biết sự diệt sạch lậu? Khi vô minh diệt thì lậu diệt, đó là biết sự diệt sạch lậu. Thế nào là biết phương pháp diệt sạch lậu? Đó là tu tập Thánh đạo tám chi, gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định, đó là biết phương pháp diệt sạch lậu. Nếu Tỳ-kheo biết về lậu, biết nhân sanh ra lậu, biết báo ứng của lậu, biết tánh sai biệt của lậu, biêt sự diệt sạch lậu và biêt phương pháp diệt sạch lậu như vậy thì gọi là

thấy rõ Phạm hạnh, có thể trừ sạch tất cả phiền não. [0599c09] Thế nào là biết về thọ? Có ba thọ là thọ lạc, thọ khổ và thọ không khổ không lạc, đó là biết về thọ. Thế nào là biết nhân sanh ra thọ? Đó là xúc,6 do CÓ xúc nên liên có thọ, đó là biêt nhân sanh ra thọ. Thê nào là biêt báo ứng của thọ? Đó là ái, ái là báo ứng của thọ, đó là biết báo ứng của thọ. Thế nào là biết tánh sai biệt của thọ? Tỳ-kheo khi cảm nhận lạc thọ liền biết đang cảm nhận lạc thọ, khi cảm nhận khổ thọ liền biết đang cảm nhận khổ thọ, khi cảm nhận cảm thọ không khổ không lạc liền biết đang cảm nhận cảm thọ không kho không lạc. Khi thân cảm nhận vui, thân cảm nhận khổ? thân cảm nhận không vui không không khổ, liền biết đúng như vậy. Khi tâm cảm nhận vui, tâm cảm nhận khổ, tâm cảm nhận không vui không khổ, liền biết đúng như vậy. Khi ăn cảm nhận ngon, khi ăn cảm nhận dở5 khi ăn cảm nhận không ngon không dở5 liền biết đúng như vậy. Khi không ăn cảm nhận vui, không ăn cảm nhận khổ, không ăn cảm nhận không vui không khổ, liền biết đúng như vậy. Khi tham muốn cảm nhận vui, khi tham muốn cảm nhận khổ, khi tham muốn cảm nhận không vui không khổ, liền biết đúng như vậy. Khi không tham muốn cảm nhận vui, khi không tham muôn cảm nhận khô, khi không tham muôn cảm nhận không vui không khổ, liền biết đúng như vậy. Đó là biết tánh sai biệt của thọ. Thế nào là biết sự diệt sạch cảm thọ? Nếu xúc diệt thì thọ liền diệt, đó là biết sự diệt sạch cảm thọ. Thế nào là biết phương pháp diệt thọ? Tu tập Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến đến chánh định, đó là biết phương pháp diệt thọ. Nếu Tỳ-kheo biết thọ, biết nhân sanh ra thọ, biết báo ứng của thọ, biết tánh sai biệt của thọ, biết sự diệt tận của thọ, biết phương pháp diệt thọ như vậy, gọi là thấy rõ Phạm hạnh, có thể diệt trừ tất cả thọ. Thế nào là biết tưởng? Có bốn tưởng. Tỳ-kheo khi có tưởng nhỏ cũng biết, tưởng lớn cũng biết, tưởng vô lượng cũng biết, tưởng Vô sở hữu xứ cũng biết, đó gọi là biết tưởng. The nào là biết nhân sanh ra tưởng? Đó là xúc, do xúc nên

6 Nguyên tác: Canh lạc cách dịch khác của "xúc",phassā.

có tưởng, đó là biêt nhân sanh ra tưởng. Thê nào là biêt báo ứng của tưởng? Đó là lời nói, tùy tưởng mà có lời nói, đó là biết báo ứng của tưởng. Thế nào là biêt tánh sai biệt của tưởng? Đó là, hoặc có tưởng nghĩ vê sac, có tưởng nghĩ vê thanh, có tưởng nghĩ vê hương, có tưởng nghĩ vê vị, hoặc có tưởng nghĩ vê xúc, đó là biết tánh sai biệt của tưởng. Thế nào là biết sự diệt sạch tưởng? Xúc diệt thì tưởng liền diệt, đó là biết sự diệt sạch tưởng. Thế nào là biết phương pháp diệt tưởng? Tu tập Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến đến chánh định, đó là biết phương pháp diệt tưởng. Nêu Ty-kheo biêt tưởng, biêt nhân sanh ra tưởng, biêt báo ứng của tưởng, biêt tánh sai biệt của tưởng, biêt sự diệt tận của tưởng, biêt phương pháp diệt tưởng như vậy thì gọi là thay rõ Phạm hạnh, có the trừ sạch tất cả tưởng. [0600a09] Thế nào là biết về dục? Có năm loại dục78đáng yêu, đáng thích, xinh đẹp, tương ưng với tham muốn và rất đáng ưa. Đó là mắt biết sắc, tai biết thanh, mũi biết hương, lưỡi biết vị và thân biết xúc chạm, đó là biết về dục. Thế nào là biêt nhân sanh ra dục? Đó là xúc, do có xúc nên có dục, gọi là biêt nhân sanh ra dục. Thế nào là biết báo ứng của dục? Tùy theo những loại dục mà sanh ưa thích, đắm trước rồi bám víu vào đó, do nhân duyên đó lãnh thọ quả báo, đen

coi co phước, đen coi vo phước hay cõi bat đọng, đo la biêt báo ưng cua dục. Thế nào là biết tánh sai biệt của dục? Hoặc có dục ham muốn sắc, có dục ham muốn thanh, có dục ham muốn hương, có dục ham muốn vị, hoặc có dục ham muốn xúc chạm, đó là biết tánh sai biệt của dục. Thế nào là biết sự diệt sạch dục? Khi xúc diệt thì dục liền diệt, đó là biết sự diệt sạch dục. Thế nào là . __ r r

biêt phương pháp diệt dục? Tu tập Thánh đạo tám chi, từ chánh kiên đên chánh định, đó là biết phương pháp diệt dục. Nếu Tỳ-kheo biết dục, biết nhân sanh ra dục, biết báo ứng của dục, biết tánh sai biệt của dục, biết sự diệt tận của dục và biết phương pháp diệt dục như vậy thì gọi là thấy rõ Phạm hạnh, có thể trừ sạch tất cả dục. Thế nào là biết về nghiệp? Có hai loại nghiệp: Nghiệp do tư duy và nghiệp do thân và miệng,9 đó là biết về nghiệp. Thế nào là biết nhân sanh ra nghiệp? Là do xúc, do có xúc nên có nghiệp, đó là biết nhân sanh ra nghiệp. Thế nào là biết 9 e r r * r

báo ứng của nghiệp? Đó là, nghiệp xâu có quả báo xâu, nghiệp tót có quả báo r r : r M M

tôt? nghiệp vừa xâu vừa tót có quả báo vừa xâu vừa tôt? hoặc nghiệp không xâu không tốt thì không có quả báo và sạch nghiệp, đó là biết báo ứng của nghiệp. Thế nào là biết tánh sai biệt của nghiệp? Hoặc có nghiệp khiến sanh vào địa ngục, có nghiệp khiến sanh vào súc sanh, có nghiệp khiến sanh vào nga quỷ,

7 Nguyên tác: Ngũ dục công đức .Xem chú thích 5, kinh số 2, tr. 11. 8 Bất động xứ tức các tầng trời Tứ thiền. 9 Nguyên tác: Dĩ tư nghiệp Mnghĩa cụ thể là hành động được thực^hiện sau khi tư duy. Theo Xảĩợí-phat A-tỳ-đàm luấn |JT.28. 1548.07. 0580al2: Thế nao gọi là nghifpjau Idii tư duy? Nghiệp của thân và miệng gọi là nghiệp sau khi tư duy .

CÓ nghiệp khiến sanh vào cõi trời, có nghiệp khiến sanh vào cõi người, đó là biết tánh sai biệt của nghiệp. Thế nào là biết sự diệt sạch nghiệp? Khi xúc diệt thì nghiệp liền diệt, đó là biết sự diệt tận nghiệp. Thế nào là biết phương pháp diệt nghiệp? Tu tập Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến đến chánh định, đó là biết phương pháp diệt nghiệp. Nêu Tỳ-kheo biêt vê nghiệp, biêt nhân sanh ra nghiệp, biêt báo ứng của nghiệp, biết tánh sai biệt của nghiệp, biết sự diệt sạch của nghiệp, biết phương pháp diệt nghiệp như vậy thì gọi là thấy rõ Phạm hạnh, có thể trừ sạch tất cả nghiệp. [0600b08] Thế nào là biết về khổ? Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán ghét gặp nhau là khổ, thương yêu xa lìa là khổ? mong cầu không được là khổ, tóm lại, năm thủ uẩn10 là khổ, đó là biết về khổ. Thế nào là biết nhân sanh ra khổ? Đó là ái, do ái sanh khổ, đó là biết nhân sanh ra khổ. Thế nào là biết báo ứng của khổ? Đó là biết có khổ diệt hơi chậm, có khổ diệt hơi nhanh, co khổ diệt rất chậm, hoặc có khổ diệt rất nhanh, đó là biết báo ứng của khổ. Thế nào là biết tánh sai biệt của khổ? Đó là biết phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, không gặp được bạn tốt, không thân cận Thánh pháp nên khi có khổ thọ thì cảm thấy khổ cùng cực, khổ tuyệt vọng, khổ muốn chết, muốn thoát khổ lại đi tìm cầu đối tượng bên ngoài: Hoặc có Sa-môn hay Bà-la-môn trì một câu chú, hai, ba, bôn câu

hay nhiêu câu, hoặc trì loại chú một trăm câu, với mong muôn "chú thuật ấy trị dứt kho cho ta." Như vậy, do mong cầu mà sanh kho, do tập khởi mà sanh khổ và mong muốn diệt khổ, đó là biết tánh sai biệt của khổ. Thế nào là biết sự diệt sạch khổ? Khi ái diệt thì khổ liền diệt, đó là biết sự diệt tận khổ. Thế nào là biết phương pháp diệt làiổ? Tu tập Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến đến chánh định, đó là biết phương pháp diệt khổ. Nếu Tỳ-kheo biết về khổ, biết nhân sanh ra khổ, biết báo ứng của khổ, biết tánh sai biệt của khổ, biết sự diệt tận của khổ và biết phương pháp diệt khổ như vậy thì gọi là thấy rõ Phạm hạnh, có thể trừ sạch tất cả khổ. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

10 Nguyên tác: Ngũ thạnh ấm .Xem chú thích 8, kinh số 13, tr. 75.

112. KINH A-NÔ-BA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Bạt-kỳ, ngụ tại thị trấn A-nô- ba,2 thuộc xứ Bạt-kỳ. Bấy giờ, vào lúc xế chiều, đức Thế Tôn rời nơi tĩnh tọa ra khỏi tịnh thất và nói: -Này A-nan! Thầy hãy cùng Như Lai đến sông A-di-la-hòa-đế* 23 để tắm. Tôn giả A-nan thưa: Kính vâng! Khi ấy, đức Thế Ton cung Tôn giả A-nan đi đến sông A-di-la-hòa-đế? cởi bỏ y phục để trên bờ rồi xuống tắm. Tắm xong, lên bờ lau mình và mặc y phục vào. Bấy giờ, Tôn giả A-nan cầm quạt hầu Phật. Khi ấy, đức Thế Tôn quay lại và dạy: Này A-nan! Đề-bà-đạt-đa4 vì buông lung nên bi đọa lạc rất khổ nhọc, chắc chắn đến cõi ác, đọa vào địa ngục rồi ở đó trọn một kiếp, không thể cứu vớt. A-nan! Thầy có nghe các Tỳ-kheo nói lại rằng Như Lai đã xác định dứt khoát rằng5 Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến cõi ác, đọa vào địa ngục rồi ở đó trọn kiếp, không thể cứu vớt chăng? Tôn giả A-nan thưa: -Thưa có! Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo hỏi con rằng: "Này Tôn giả A-nan, phải chăng đức Thế Tôn dùng tha tâm trí biết rõ tâm Đề-bà-đạt-đa nên Ngài đã xác định dứt khoát rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chan đen cõi ác, đọa vào địa ngục rồi ở đó trọn kiếp, không thể cứu vớt?”

Nguyên tác: A-nô-ba kinh 01. 0026.112. 0600b28. Tham chiếu: A-nậu-phong kinh r.01.0058. 0853c20; Z6.62-IV. 402. 2 A-nô-bạ ,một thộn ở nước Bạt-kỳ ^^8, Vajjī, còn được viết là A-nâu-da ,anupà, một nơi ẩm thấp. Tham chiếu: N2Uphần T.22. 1421.26. 0174a06: Khi ấy ở trú xứA-nâu- da thuộc thành Tỳ-xá-ly Vesālī bị ẩm thấp, do nóng bức nên sanh nhiêu muôi mòng. Các Tỳ-kheo lo lắng về việc này. Phật dạy: "Cho phép cất giữ quát." ..4 6.62 - IV. 402: Phật ở tại Dandakappa, một ngôi làng của Cāu-tat-la ịộKM, Kosala. 3 A-di-la-hòa-đế ,Aciravatī, một trongz5 con sông lớn ở Ấn Độ. Tôn giả A-nand ,Ānanda và các Tỳ-kheo lang Dandakappa đến tam ở đây. 4 Nguyên tác: Đề-hòa-đạt-đa ,tức Đề-bà-đạt-đa Devadatta. 5 Nguyên tác: Nhất hướng ký .

726 KINH TRUNG A-HÀM

Đức Thế Tôn dạy: Này A-nan! Tỳ-kheo ây hoặc còn nhỏ, hoặc trung niên, hoặc lớn tuổi, hoặc thiếu niên, đều không tự biết. Vì sao như vậy? Vì Như Lai đã nhất quyết ghi nhận, nhưng vị ấy vẫn còn nghi hoặc. A-nan! Như Lai không thay có chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn? Phạm chí hay bất cứ ai khác ở trên đời này từ người đến

trời như Như Lai, nhất quyết ghi nhận về Đề-bà-đạt-đa. Vì sao như vậy? Này A-nan! Như Lai đã xác đinh dứt khoát rang Đe-bà-đạt-đa chắc chắn đi đen cõi ác, đọa vào địa ngục roi ở đó trọn kiếp, không the cứu vớt. A-nan! Nếu Như Lai thấy Đề-bà-đạt-đa có được chút pháp lành, thanh tịnh nhỏ bằng sợi lông thì Như Lai đã không xác định dứt khoát rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến cõi ác, đọa vào địa ngục rồi ở đó trọn kiếp, không the cứu vớt. A-nan! Vì Như Lai không thấy Đề-bà-đạt-đa có được chút pháp lành, thanh tịnh nhỏ bang sợi lông, nên Như Lai đã xác định dứt khoát rang Đe-bà-đạt-đa chắc chắn đi đên cõi ác, đọa vào địa ngục roi ở đó trọn kiêp, không thê cứu vớt. Này A-nan! Ví như cách thôn xóm không xa, có một hâm phân sâu rộng, có người bị rơi vào trong đó? chìm xuống tận đáy. Có người đi đến trông thấy liền phát khởi lòng từ bi lớn? lân mẫn xót thương, mong muốn người kia được ý nghĩa và lợi ích, được an ôn hân hoan. Người ây nhìn quanh roi nói: "C6 chô nào của người này dù chỉ bằng sợi lông hay cẹng tóc mà không bị dính phẩn để ta có thể nắm lấy rồi kéo lên chăng?,, Người ây nhìn khắp thân thể, nhưng không thấy có chỗ nào của người này dù chỉ bằng sợi lông hay cọng tóc mà không bi dính phẩn để có thể dùng tay nắm kéo lên được. Cũng vậy, này A-njan! Nếu Như Lai thấy Đề-bà-đạt-đa có một chút pháp lành, thanh tinh nhỏ bằng sợi lông thì Như Lai đã không xác định dứt khoát răng Đê-bà-đạt-đa chác chăn đi đên cõi ác, đọa vào địa ngục roi ở đó trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan! Vì Như Lai không thấy Đề-bà-đạt-đa có được chút pháp lành, thanh tinh nhỏ bằng sợi lông nên Như Lai nhất quyết ghi nhận rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến cõi ác, đọa vào địa ngục rồi ở đó trọn kiếp, không thể cứu vớt. [OóOlalO] Khi ấy5 Tôn giả A-nan bật khóc, đưa tay gạt lệ rồi thưa: Kính bạch Thế Tôn! Thật kỳ lạ! Thật hy hữu! Thế Tôn đã xác định dứt khoát rang Đe-bà-đạt-đa chắc chắn đi đến cõi ác, đọa vào địa ngục rồi ở đó trọn kiếp, không thể cứu vớt. Đức Thế Tôn dạy: Đúng vậy, A-nan! Đúng vậy, A-nan! Như Lai đã xác đinh dứt khoát rằng Đê-bà-đạt-đa chác chăn đi đên cối ác, đọa vào địa ngục roi ở đó trọn kiếp, không thê cứu vớt. Này A-nan! Nếu thầy được nghe Như Lai giảng nói về pháp phân biệt căn trí bậc Đại nhân6 thì chắc chắn sẽ có được niềm tin tuyệt đối nơi Như Lai và luôn luôn hoan hỷ.

6 Nguyên tác: Đại nhân căn trí Purisindriyañññānā.

112. KINH A-NÔ-BA 727

Khi ấy, Tôn giả A-nan chắp tay hướng Phật và bạch: -Bạch Thế Ton! Nay thật đúng thời! Bạch Thiện Thệ! Nay thật đúng lúc! Ngưỡng mong Thế Tôn thuyết giảng cho các Tỳ-kheo về pháp phân biệt căn trí bậc Đại nhân. Các Tỳ-kheo được nghe Thế Tôn thuyết giảng thì sẽ khéo thọ trì. Đức Thế Tôn dạy: Này A-nan! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, nay Như Lai sẽ giảng nói cho thầy nghe về pháp phân biệt căn trí bậc Đại nhân! Tôn giả A-nan vâng lời và lắng nghe. Đức Thế Tôn dạy: Này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó? Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng gốc thiện vẫn còn, chưa đoạn dứt hẳn. Từ gốc thiện đó lại sẽ phát sanh pháp thiện. Như vậy, người này sẽ đạt được pháp thanh tinh. NàyA-nan!

Ví như sáng sớm, mặt trời vừa mọc, bóng tối liền tan, phát sanh ánh sáng. Này A-nan! Ý thầy thế nào? Mặt trời lên dần cho đến giờ ăn trưa, phải chăng bóng tối đã diệt, ánh sáng đã sanh? Tôn giả A-nan thưa: - Bạch Thế Tôn? đúng vậy! [0601bòi] - Cũng vậy, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quan sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó? Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng góc thiện vân còn, chưa đoạn dứt han. Từ góc thiện đó sẽ lại phát sanh pháp thiện. Như vậy, người này sẽ đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan! Ví như hạt lúa giống không hu, không vỡ, không mục, không nứt, không bị gió hay nắng làm hư hoại, vào mùa thu được cất giữ cẩn thận. Nếu gia chủ khéo sửa sang mảnh ruộng tốt rồi gieo hạt xuống, mưa đúng thời vụ, này A-nan, ý thầy thế nào? Hạt giống ấy có dần dần phát triển được chăng? Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, có thể được! -Cũng vậy, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó5 Như Lai dùng tha tâm trí lại quán sát tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng gốc thiện vẫn còn, chưa đoạn dứt hẳn. Từ gốc thiện đó thiện pháp sẽ lại phát sanh. Như vậy, người này sẽ đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan, đó gọi là căn trí bậc Đại nhân của Như Lai. Như Lai đã biết như thật về gốc rễ của các pháp như vậy.

Lại nữa, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biêt người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện nhưng gốc thiện vẫn còn, chưa đoạn dứt hẳn, nhất định sẽ đoạn hẳn. Như vậy5 người này đi đến pháp suy thoái.7 Này A-nan! Ví như từ lúc xế chiều, khi mặt trời lặn, ánh sáng sẽ diệt, bóng tối sẽ sanh. Này A-nan! Ý thầy thế nào? Sau khi mặt trời lặn, phải chăng ánh sáng đã diệt, bóng tối đã sanh? Tôn giả A-nan thưa: - Bạch Thế Tôn5 đúng vậy! Cũng vậy, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện nhưng gốc thiện vẫn còn, chưa đoạn dứt hẳn, nhất định sẽ đoạn hẳn. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái. Này A-nan! Ví như hạt lúa giống không hu, không vỡ, không mục5 không nứt, không bị gió hay nắng làm hư hoại, vào mùa thu được cất giữ cẩn thận. Nếu gia chủ kia khéo sửa sang mảnh ruộng tốt rồi gieo hạt giống xuống, nhimg mưa không đúng mùa vụ, này A-nan, ý thầy thế nào? Hạt giống này có dần dần phát triển được chăng? [0601C03] Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, không thể được! -Cũng vậy, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, gốc thiện còn lại chưa đoạn hẳn, nhất định sẽ đoạn hẳn. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái. Này A-nan, đó gọi là

căn trí bậc Đại nhân của Như Lai. Như Lai biết như thật về gốc rễ của các pháp như vậy. Lại nữa, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Như Lai không thấy người này có được chút pháp thiện lành dù chỉ nhỏ bằng sợi lông. Người này chỉ có duy nhất pháp ác, bất thiện, ô uế, làm gốc rễ cho sự tái sanh trong tương lai, là gốc rễ của khổ báo phiền não thiêu đốt, là nhân của sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, sau khi qua đời, người này chắc chắn đi đến nẻo ác, bị đọa vào địa ngục. Này A-nan! Ví như hạt giống bi hu, bi vỡ, mục nát, bị gió hay nắng làm hư hoại, vào mùa thu không được cất giữ cẩn thận. Nếu gia

7 Nguyên tác: Suy thoái pháp (si&s, parihãna dhammā).

chủ ây không phải là nông phu giỏi, lại không khéo canh tác, gieo hạt giông xuống và mưa không đúng mùa, này A-nan? ý thầy thế nào? Hạt giống có dần dần tăng trưởng được chăng? Tôn giả A-nan thưa: -Bạch Thế Tôn, thưa không! -Cũng vậy, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Như Lai không thấy người này có được chút pháp thiện lành, dù nhỏ bằng sợi lông. Người này chỉ có pháp ác, bất thiện, hoàn toàn ô uế, làm gốc rễ cho sự tái sanh trong tương lai, là gốc rễ của khổ báo phiền não thiêu đốt, là nhân của sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, sau khi qua đời, người này chắc chắn đi đến nẻo ác? bị đọa vào địa ngục. Này A-nan! Đó gọi là căn trí bậc Đại nhân của Như Lai. Như Lai biết như thật về gốc rễ của các pháp như vậy. Khi ây, Tôn giả A-nan chăp tay hướng Phật và bạch: - Bạch Thế Ton! Ngài đã thuyết giảng về ba hạng người như vậy. Như Lai có thể giảng thuyết về ba hạng người khác nữa được chăng? Đức Thế Tôn dạy: Như Lai có the giảng nói. Này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó5 Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh khởi pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh khởi pháp thiện, nhimg gốc rễ bất thiện vẫn còn, chưa đoạn diệt hẳn. Từ góc rê bát thiện này sẽ lại phát sanh khởi pháp bát thiện. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái. Này A-nan! Ví như đốt lửa, khi mới đốt chỉ có một ngọn lửa, có người bỏ thêm cỏ khô rồi chất củi khô lên. Này A-nan, ý thầy thế nào? Ngọn lửa kia

thiện, nhưng gốc rễ bất thiện vẫn còn, chưa đoạn diệt hẳn, nhất định sẽ đoạn hẳn. Như vậy, người này đạt đến pháp thanh tịnh. Này A-nan! Ví như đốt lửa5 khi mới đốt chỉ có một ngọn lửa, có người đem cây lửa đang cháy này để trên đất bằng, hoặc để trên đá. Này A-nan, ý thầy thế nào? Ngọn lửa càng bốc cháy ngùn ngụt lên chăng? Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, không the! Cũng vậy, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh khởi pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh khởi pháp thiện, nhưng gốc rễ bất thiện vẫn còn, chưa đoạn diệt hẳn, nhất định sẽ đoạn hẳn. Như vậy, người này đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan! Đó gọi là căn trí

bậc Đại nhân của Như Lai. Như Lai biết như thật về gốc rễ của các pháp như vậy. Lại nữa, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Như Lai không thấy người này có chút nghiệp bất thiện8 dù nhỏ bằng sợi lông. Người này tuyệt đối chỉ có pháp thiện, hoàn toàn thiện, cùng với an vui, được phước quả an vui, chắc chắn sanh vào cõi lành9 và được trường thọ. Như vậy, người ấy ngay trong đời này chắc chắn chứng đắc Niết-bàn. Này A-nan! Ví như ngọn lửa đã tắt từ lâu, tro đã nguội lạnh, có người thêm đầy cỏ khô rồi chất củi khô lên. Này A-nan, ý thầy thế nào? Tro đã nguội lạnh đó có thể bốc cháy lại được chăng? [0602b04] Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, không thể được! Cũng vậy, này Anan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Như Lai không thây người này có chút nghiệp bát thiện nào dù nhỏ băng sợi lông. Người này tuyệt đoi chỉ có pháp thiện, hoàn toàn thiện, cùng với an vui, được phước quả an vui, chác chăn sanh vào cõi lành và được trường thọ. Như vậy, người ấy ngay trong đời này chắc chắn chứng đắc Niết-bàn. Này A-nan! Đó gọi là căn trí bậc Đại nhân của Như Lai. Như Lai biết như thật về gốc rễ của các pháp như vậy. Này A-nan! Ba hạng người đã nói về trước, hạng thứ nhất đạt được pháp thanh tinh, hạng thứ hai đạt được pháp suy thoái, hạng thứ ba sau khi qua đời chắc chắn đến nẻo ác, bi đọa vào địa ngục. Ba hạng người Như Lai nói sau, hạng thứ nhất đạt được pháp suy thoái, hạng thứ hai đạt được pháp thanh tinh, hạng thứ ba ngay trong đời này chứng được Niết-bàn.

8 Nguyên tác: Hắc nghiệp :Nghiệp đen, nghiệp bất thiện. 9 Nguyên tác: Lạc lạc báo, tất sinh lạc xứ .

112. KINH A-NÔ-BA 731

Này A-nan! Như Lai đã giảng nói cho thây nghe vê pháp căn trí bậc Đại nhân. Như đấng Ton sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng từ bi lớn, lân mẫn xót thương, mong muốn được lợi ích, phước lành và được an ổn hân hoan. Điều đó Như Lai đã thực hành, các thây cũng nên tự mình thực hành, hãy đên nơi văng vẻ, ở trong núi rừng, hoặc dưới gốc cây, hoặc nơi yên tĩnh mà thiền định, tư duy, chớ nên buông lung, hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để hối tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn của Như Lai, đó là lời khuyên bảo của Như Lai. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan1011 nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.11

10 Nguyên tác: Bỉ chư Tỳ-kheo Các Tỳ-kheo kia; nhưng từ đầu bản kinh chỉ thấy Tôn giả A-nan, nên bản dịch dựa vào thực tê. 11 Bản Hán, hết quyển 27.

113. KINH GỐC RỄ CÁC PHÁP1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu có ngoại đạo đến hỏi các thầy: "Tất cả các pháp lấy gì làm căn bản?99 Các thầy nên trả lời họ như vầy: "Tất cả các pháp lấy dục làm căn bản?9 Nếu họ lại hỏi: “Lấy gì làm chỗ quy tụ?"2 Nên đáp như vầy: "Lấy xúc làm chỗ quy tụ. ”3 Nếu họ lại hỏi: “Lấy gì làm dẫn khởi?” Nên đáp như vầy: "Lấy thọ1 2345*làm dẫn khởi/9 Nếu họ lại hỏi: "Lấy gì làm hiện hữu?" Nên đáp như vầy: “Lấy tư tưởng làm hiện híữu.”5 Nếu họ lại hỏi: "Lấy gì làm dẫn dàu?" Nên đáp như vầy: “Lấy niệm làm dẫn dầu." Nếu họ lại hỏi: "Lấy gì làm

tăng thượng?^, Nên đáp như vầy: "Lấy đinh làm tăng thượng.,, Nếu họ lại hỏi: "Lấy gì làm tối thượng?59 Nên đáp như vầy: "Lấy tuệ làm tối thượng.,, Nếu họ lại hỏi: "Lấy gì làm c6t 16i?" Nên đáp như vầy: "Lấy giải thoát làm cốt 16i." Nấu họ lại hỏi: "Lấy gì làm cứu cánh?" Nên đáp như vầy: “Lấy Niết-bàn làm cứu cánh." Này các Tỳ-kheo! Tất cả các pháp lấy dục làm căn bản, xúc làm chỗ quy tụ, thọ làm dẫn khởi, tư tưởng làm hiện hữu, niệm làm dẫn dầu, định làm tăng thượng, tuệ làm tối thượng, giải thoát làm cốt lõi và Niết-bàn làm cứu cánh.

1 Quyển 28. Nguyên tác: Chư pháp bổn kinh roi. 0026.113. 0602Ồ28. Tham chiếu: Chư pháp bổn kinh^ìẾ roi. 0059. 0855c06; A. 8.83 - IV. 338; A. 10.58 - v. 106;^. 10.59-V. 107. 2 Nguyên tác: Hòa Sự tập khởi samudayo. 3 Nguyên tác: Canh lạc ,cách dịch khác của "xiíc”,phassā. 4 Nguyên tác: Giác ,tân dịch là "th".Tiếng Pali tương đương là vedãna. 5 Dĩ tư tưởng vi hữu .Tham chiếu: A. 8.83 - IV. 338: Manasikārā sam bhavā lấy tác ý làm sanh khởi.

Cho nên, Tỳ-kheo hãy học như vầy: Huân tập về tâm xuất gia học đạo, huân tập về tưởng vô thường, huân tập về tưởng vô thường là khổ, huân tập về tưởng khổ nên vo ngã, huân tập về tưởng bất tịnh, huân tập về tưởng thức ăn là ô uế, huân tập về tưởng tất cả thế gian không có gì vui và huân tập về tưởng sự chết. Biết sự tốt xấu của thế gian/ tâm được huân tập với tưởng như vậy.6 7 Biết tập khởi của thê gian,8 tâm được huân tập với tưởng như vậy. Biêt như thật vê sự tập khởi, diệt tận5 vi ngọt, tai họa và sự xuất ly thế gian, tâm được huân tập với tưởng như vậy. Nêu Tỳ-kheo huân tập được tâm xuât gia học đạo, huân tập được vê tưởng vô thường, huân tập được vê tưởng vô thường là khô, huân tập được về tưởng khổ nên vô ngã, huân tập được về tưởng bất tịnh, huân tập được về tưởng thức ăn ô uế, huân tập được về tưởng tất cả thế gian không có gì vui, huân tập được tưởng về sự chết; biết sự tốt xấu của thế gian, tâm đã được huân tập với tưởng như vậy; biêt tập khởi của thê gian, tâm đã được huân tập với tưởng như vậy; biêt như thật vê sự tập khởi, diệt tận, vi ngọt, tai họa và sự xuất yếu của thế gian, tâm đã được huân tập với tưởng như vậy thì được gọi là Tỳ- kheo đoạn ái, trừ kiết, đã biết rõ và quán sát đúng đắn các pháp thì vượt thoát khổ đau. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

'

6 Tri thế gian hảo ố .Tham chiếu: A. 10.59 - v. 107: Lokassa sāmañca visamañca ñatvā biêt thê giới thăng bằng và không thăng bằng, HT. Thích Minh Châu dịch. 7 Tập như thị tưởng tâm .Tham chiếu: A. 10.59 - v. 107: Tarnsañññāparicitañca cittarh hoti tâm được thực hành tích tập với tưởng ấy, HT. Thích Minh Châu dịch. 8 Tri thế gian tập hữu Biết sự sanh khởi của thế gian.

114. KINH ƯU-ĐÀ-LA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -ở giữa hội chúng, Ưu-đà-la La-ma tử12 thường nói như vầy: "Ngay nơi sanh mạng này, ta quán sát nó và cảm thọ nó, [ban đau] không biết cội gốc của ung nhọt nhimg về sau lại biết hoàn toàn

cội gốc của ung nhẹ)t." Ưu-đà-la La ma tử không biết tất cả mà tự xưng là biết tất cả,3*thật không có cảm thọ mà tự xưng là có cảm thọ. Ưu-đà-la La-ma tử thấy như vậy và nói như vậy; nếu quả đúng như vậy thì đó là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn; nếu như người không có nghĩ tưởng, đó là kẻ ngu si. Nếu có cảm thọ thì cảm thọ vắng lăng là vi diệu nhất, tức là cho đen cõi Phi tưởng phi phi tưởng." Ông ấy yêu thích tự thân, chấp thủ tự thân, đắm trước tự thân rồi tu tập cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng. Sau khi qua đời, ông ta sanh vào cối trời Phi tưởng phi phi tưởng. Sau khi chấm dứt tuổi thọ ở cõi trời ấy, ông ta trở lại nhân gian, sanh vào loài chồn. ở đây, Ty-kheo nói chân chánh, có thể nói như vầy: "Trong đời sống này, ta er e r quán sát và cảm thọ chúng, không biêt cội góc của ung nhọt nhưng sau đó biêt hoàn toàn cội góc của ung nhọt?5 Ty-kheo quán sát chân chánh như thế nào? Là Ty-kheo biết sáu xúc xứ, biết sự tập khởi, biết sự đoạn diệt, biết vị ngọt, biết tai họa và biết sự xuất ly của chúng, với tuệ mà biết đúng như thật. Như vậy gọi là Ty-kheo quán sát chân chánh. Thế nào là Ty-kheo biết cảm thọ? Là Ty-kheo biết ba cảm thọ, biết sự tập khởi, biết sự đoạn diệt, biết vi ngọt, biết tai họa và biết sự xuất ly của chúng, với tuệ mà biết đúng như thật. Như vậy gọi là Ty-kheo biết cảm thọ. Thế nào là Ty-kheo không biết cội gốc của ung nhọt, nhưng sau đó biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt? Là Ty-kheo biết hữu ái đã diệt, đã nhổ sạch gốc

1 Nguyên tác: ưu-đà-la kinh (roi. 0026.114. 0603a03). Tham chiếu: s. 35.103 - IV. 83.
2 Ưu-đà-la La-ma tử (Ụddaka Rāmaputta): Vị đạo sĩ đã dạy cho Bồ-tát Tất-đạt-đa về pháp tu Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền. 3 Tham chiếu: MĀ. 17: Giữa đại chúng, ông uặt-đầu-lam đã nói như vầy: :cthấy mà không thấy. Thế nào gọi là thấy mà không thấy? Như có the thấy con dao nhưng không thể thấy được tánh sác bén [của con dao]":,

rễ của nó, khiến không thể sanh trở lại. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không biết cội góc của ung nhọt, nhưng sau đó biêt hoàn toàn cội góc của ung nhọt. Ung

115. KINH VÍ DỤ VỀ BÁNH MẬT1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Thích-ca/ thuộc thành Ca-duy- la-vệ.123 Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào Ca-duy-la-vệ khát thực. Sau khi thọ thực, vào khoảng xê trưa, Ngài thu dọn y bát, rửa tay chân, lấy tọa cụ vắt lên vai rồi đến tinh xá Thích-ca ở trong rừng trúc.4 Khi vào khu rừng lớn này,5 Ngài đến bên một gốc cây rồi trải tọa cụ và ngồi kiết-già. Khi ây, vào khoảng xê trưa, Chập Trượng họ Thích6 chông gậy thong thả đi đến chỗ Phật. Cùng nhau chào hỏi xong, ông chống gậy đứng trước đức Phật rồi hỏi rằng: Sa-môn Cù-đàm! Ngài lây gì làm tông chỉ và thuyêt giảng những pháp gì? Đức Thế Tôn đáp: - Này người họ Thích! Nếu tất cả chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa- môn, Phạm chí, từ người cho đến trời trên thế gian này đều không đấu tranh, tu tập lìa dục, Phạm hạnh thanh tinh, lìa bỏ dua nịnh, dứt trừ loạn động, không đắm trước hữu và phi hữu, cũng không có tưởng thì đó là tông chỉ của Như Lai. Pháp Như Lai thuyêt giảng cũng như vậy. Khi ấy, Chấp Trượng họ Thích nghe đức Phật nói, không cho là phải cũng không cho là trái, chỉ lắc đầu rồi bỏ đi. Bấy giờ, sau khi Chấp Trượng họ Thích bỏ đi không lâu, vào lúc xế chiều, đức Thế Tôn rời nơi

tĩnh tọa, đi vào giảng đường, đến trước hội chúng Tỳ-kheo, trải tọa cụ và ngoi xuống roi nói với các Tỳ-kheo:

1 Nguyên tác: Mật hoàn dụ kinh 7.01. 0026.115. 0603b09. Tham chiếu: Tăng.7.02. 0125.40.10. 0743a04; M. 18, Madhupindika Sutta Kỉnh mật hoàn. 2 Nguyên tác: Thích-ky-sấu Sakkesu: Trong dân chúng họ Thích. 3 Ca-duy-la-vệ Kapilavatthu, thường đọc Ca-tỳ-la-vệ .

4 Nguyên tác: Thích-ca tự chỉ cho ngôi tinh xá của dòng họ Thích-ca trong vườn Ni-câu-loại Nigrodhārāma. 5 Nguyên tác: Đại lâm ,Mahãvana. Theo DPPN, đó là khu rừng gần Kapilavatthu. 6 Chấp Trượng Thích ,Dandapānī Sakkā. Theo DPPN, vị này là em của Vua Thiện Giác, anh của Hoàng hậu Māyā và bà Pajāpati, là cậu ruột của Thái tử Tât-đạt-đa. Tuy nhiên, theo Phật bôn hạnh kinh r.O4. 0193.1. 0062b20-0063all, Chấp Trượng Thích đa gả người con gái xinh đẹp cho Thái tử làm Vương phi. Do vậy, ông ta cũng là cha vợ của Thái tử Tất-đạt-đa.

738 KINH TRƯNG A-HÀM

r r

—Hôm nay, vào lúc sáng sớm, Ta đăp y, ôm bát vào thành Ca-duy-la-vệ khát thực. Sau khi thọ thực, vào khoảng xế trưa, Ta thu dọn y bát9 rửa tay chân, lấy tọa cụ vắt lên vai rồi đến tinh xá Thích-ca ở trong rừng trúc. Khi vào khu rừng lớn này, Ta đến bên một gốc cây rồi trải tọa cụ ngồi kiết-già. Khi ấy5 có Chấp Trượng họ Thích, vào khoảng xe trưa, chống gậy thong thả đi đến chỗ Ta. Cùng nhau chào hỏi xong, ông ấy chống gậy dứng trước mặt Ta rồi hỏi rằng: "Sa-môn Cù-đàm! Ngài lấy gì làm tông chỉ và thuyết giảng những pháp gi?" Ta đáp: "Này người họ Thích, nếu tất cả chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn? Phạm chí, từ người cho đến trời trên thế gian này đều không đấu tranh, tu tập lìa dục, Phạm hạnh thanh tịnh, lìa

115. KINH VÍ DỤ VỀ BÁNH MẬT 739

Các Tỳ-kheo lại suy nghĩ: "Này chư Hiền! Ai có thể giải thích tường tận ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy?" Rồi họ lại suy nghĩ: “Chi có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được đức Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể giải thích tường tận ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy. Này chư Hiền! Hãy cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên để thỉnh Tôn giả giảng nói nghĩa này. Nếu được Tôn giả Đại Ca- chiên-diên giảng nói rộng rãi thì chúng ta sẽ khéo thọ trì." Khi ấy, các Tỳ-kheo liền đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, cùng nhau chào hỏi roi ngoi sang một bên và thưa: Thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên! Xin Tôn giả biết cho, đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không giải thích tường tận, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh thất tĩnh tọa: "Tỳ-kheo! Nếu người do suy niệm của mình mà xuất gia học đạo, tu tập suy tầm, đối với pháp quá khứ, vị lai và hiện tại mà không yêu men, không vui thích, không đắm trước, không chấp thủ thì đó gọi là vượt thoát khổ đau. Đối với những phiền não tiềm phục, sai khiến như dục, sân, tham, mạn, vô minh, kiến, nghi, tranh luận, ganh ghét, dua nịnh, lừa dối, nói láo, nói hai chiều cùng vô lượng những pháp ác, bất thiện khác [mà không yêu mên, không vui

thích, không đăm trước, không chấp thủ] thì đó gọi là vượt thoát khổ dàu." Chúng tôi liền suy nghĩ: "Này chư Hiền! Ai có thể giải thích tường tận ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt?" Rồi chúng tôi lại suy nghĩ: "Chi có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên? thường được đức Thế Tôn và các vi Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có the giải thích tường tận ý nghĩa mà đức Thế Tôn nói vắn tắt ấy." Ngưỡng mong Tôn giả Đại Ca-chiên- diên thương xót mà giảng nói rộng rãi cho! [0604al3] Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo: -Này chư Hiền! Hãy nghe tôi nói ví dụ, người có trí tuệ nhờ nghe ví dụ sẽ hiểu rõ nghĩa lý. Này chư Hiền! Ví như có người tìm lõi cây,9 vì muốn tìm lõi cây nên người ấy cầm búa vào rừng, tìm thấy cội cây lớn có rễ, thân, cành, nhánh, lá, hoa và trái. Người ấy không chạm đến rễ, thân, cành, trái mà chỉ chạm đến nhánh và lá. Những điều chư Hiền nói cũng giống như vậy. Đức Thế Tôn đang ở đây mà chư Hiền lại bỏ Ngài để đến hỏi tôi về nghĩa này. Vì sao như vậy? Này chư Hiền, nên biết đức Thế Tôn là bậc có mắt, là bậc có trí. Ngài là nghĩa, là pháp, là bậc Pháp Chủ, là bậc Pháp tương, là bậc nói nghĩa chân dế, hiển hiện tất cả nghĩa. Do đó? chư Hiền nên đi đến chỗ đức Thế Tôn mà hỏi nghĩa như vầy: "Bạch Thế Ton, điều này là thế nào, điều này có nghĩa gi?" Nếu đức Thế Tôn có dạy bảo điều gì thì chư Hiền hãy khéo thọ trì.

9 Nguyên tác: Thật Rắn chắc .A. 10.115 - v. 224: Sãra cốt lõi, lõi cây.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa: Đúng vậy, thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên! Đức Thế Tôn là bậc có mắt, là bậc có trí. Ngài là nghĩa, là pháp, là bậc Pháp chủ, là bậc Pháp tướng, là bậc nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả nghĩa. Do đó, chúng tôi nên đi đến chỗ đức Thế Tôn để hỏi nghĩa này: "Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào, điều này có nghĩa gi?" Nếu như đức Thế Tôn có dạy bảo điều gì, chúng tôi sẽ khéo thọ trì. Nhưng thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, thầy thường được đức Thế Tôn và các vi Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể giải thích tường tận ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy. Ngưỡng mong Tôn giả Đại Ca-chiên- diên thương xót mà giảng nói rộng rãi. [0604b01] Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo các Tỳ-kheo: -Vậy này chư Hiền, xin hãy nghe tôi nói! Này chư Hiên! Duyên mat với sác mà sanh ra nhãn thức. Ba yêu tô này cùng nhóm họp liền có xúc. Do duyên xúc nên có cảm thọ,10 có cảm thọ thì có tưởng, có tưởng thì có tư duy, có tư duy thì có suy niệm, có suy niệm thì có phân biệt. Tỳ-kheo do suy niệm như vậy nên xuất gia học đạo, tu tập suy tầm, đối với pháp quá khứ, vị lai và hiện tại mà không yêu mến, không vui thích, không đắm trước, không chấp thủ thì đó gọi là vượt thoát khổ đau. Đối với những phiền não tiềm phục, sai khiến như dục, sân, tham, mạn, vô minh, kiến, nghi, tranh luận, ganh ghét, dua ninh, lừa dối, nói láo, nói hai chiều cùng vô lượng những pháp ác, bát thiện khác [mà không yêu mên, không vui thích, không đăm trước, không chấp thủ] thì đó gọi là vượt thoát khổ đau. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Duyên ý với pháp mà sanh ra ý thức. Ba yếu tố này cùng nhóm họp liền có xúc, do duyên xúc nên có cảm thọ, có cảm thọ thì có tưởng, có tưởng thì có tư duy, có tư duy thì có suy niệm, có suy niệm thì có phân biệt. Tỳ-kheo do suy niệm như vậy nên xuất gia học đạo, tu tập suy tầm, đối với pháp quá khứ, vi lai và hiện tại mà không yêu mến, không vui thích, không đắm trước,

10 Nguyên tác: Giác tân dịch là "thẹ".Tiếng Pãli tương đương là vedanā.

mà có xúc, hiển lộ xúc thì điều này không thể có. Nếu không hiển lộ xúc mà có cảm thọ, hiển lộ cảm thọ thì điều này không thể có. Nếu không hiển lộ cảm thọ mà có hiển lộ niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập suy tầm thì điều này không thể có. Này chư Hiền! Tỳ-kheo do mắt, do sắc và do nhãn thức mà có xúc, hiển lộ xúc thì nhất định có điều này. Do hiển lộ xúc mà có thọ, hiển lộ thọ thì nhất đinh có điều này. Do hiển lộ thọ mà hiển lộ suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập suy tâm thì nhát định có điêu này. Đôi với tai, mũi, lưỡi và thân cũng vậy. Do ý, do pháp và do ý thức mà có xúc, hiển lộ xúc thì nhất đinh có điều này. Do hiển lộ xúc mà có thọ, hiển lộ thọ thì nhất định có điều này. Do hiển lộ thọ mà hiển lộ suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập suy tầm thì nhất định có điều này. Này chư Hiền! Đức Thế Tôn giảng nói nghĩa này một cách vắn tắt? không giải thích tường tận, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Này Tỳ-kheo! Nêu người do suy niệm mà xuất gia học đạo, tu tập suy tầm, đối với pháp quá khứ, vị lai và hiện tại mà không yêu mến, không vui thích, không đắm trước, không chấp thủ thì đó gọi là vượt thoát khổ đau. Đối với những phiền não tiềm phục, sai khiến như dục, sân, tham, mạn, vô minh, kiến, nghi, tranh luận, ganh ghét, dua nịnh, lừa dối, nói láo, nói hai chiều cùng vô lượng những pháp ác, bất thiện khác [mà không yêu men, không vui thích, không đắm trước, không chấp thủ] thì đó gọi là vượt thoát khổ đau. Đức Thế Tôn giảng nói nghĩa này một cách vắn tắt không giải thích tường tận. Tôi đã dùng câu cú và văn nghĩa này để trình bày rõ ràng như vậy. Này chư Hiền! Các vi co thể đi đến chỗ Phật để tường trình lại đầy đủ. Nếu đúng như nghĩa

các thầy hãy nên nhận lãnh rồi ghi nhớ như vậy. Vì sao như vậy? Vì nói hợp nghĩa, đúng theo chân lý.11 Này Tỳ-kheo! Ví như có người nhân đi đến nơi thanh vắng, trong rừng sâu, giữa những cây cối, bỗng nhiên gặp được bánh mật, vi ấy lấy ăn, thưởng thức vị ngọt. Người thiện nam cũng giống như vậy, ở trong giáo pháp này của Ta, tùy theo những gì được quán sát, vi ấy thưởng thức được vị ngọt của pháp; quán sát con mắt, thưởng thức được vị ngọt; quán sát tai, mũi, lưỡi, thân, quán sát ý, thưởng thức được vị ngọt. Bấy giờ? Tôn giả A-nan đang cầm quạt hầu Phật. Tôn giả A-nan liền chắp tay hướng Phật và thưa: Bạch Thế Tôn, pháp này tên gọi là gì? Chúng con phải phụng trì như thế nào? Đức Thế Tôn dạy: -Này A-nan! Pháp này có tên gọi là "Ví dụ về Bánh mậf\11 12 thầy hãy nên thọ trì. Khi ấy, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Các thầy hãy nhận lãnh pháp "Ví dụ về Bánh m§t" này, phải thường tụng đọc. Vì sao như vậy? Này các Tỳ-kheo! Pháp "Ví dụ về Bánh mậ^ này có pháp, có nghĩa, là gốc của Phạm hạnh, dẫn đến trí thông, dẫn đến giác ngộ, đưa đến Niêt-bàn. Nêu người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niêm tin tha thiêt5 rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo thì hãy nên khéo nhận lãnh, ghi nhớ pháp "Ví dụ về Bánh mật55 này. [0605a04] Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.13

11 Nguyên tác: ứng như thị dã .Như thị dùng trong nghĩa như thật, chân lý. Pãli: Yathā. 12 Nguyên tác: Mật hoàn dụ ,Madhupindikapariyāya: Pháp môn mật hoàn. 13 Bản Hán, hết quyển 28.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.